BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6603/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Giấy khen sinh viên tốt nghiệp

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết 185/NQ – HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ theo Công văn số 224/TTS ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Thủy sản;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Thủy sản và Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Giấy khen cho **128** sinh viên khóa 47, khóa 48 có tên sau đây thuộc Trường Thủy sản, Đại học Cần Thơ đạt thành tích sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc, sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi toàn khóa học 2021-2026, khóa học 2022-2026:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đại học Cần Thơ; các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Kế hoạch và Tài chính, Đào tạo; Hiệu trưởng Trường Thủy sản và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, CTSV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Lê Văn Lâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN

(Kèm theo Quyết định số 6603 /QĐ-ĐHCT, ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Đại học Cần Thơ)

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại khen thưởng
1	B2202882	Nguyễn Thị Mỹ Nhàn	23/07/2004	N	TS2276A2	Bệnh học thủy sản	3,76	90	Xuất sắc
2	B2202880	Trần Bích Ngọc	06/02/2004	N	TS2276A2	Bệnh học thủy sản	3,69	90	Xuất sắc
3	B2202822	Nguyễn Nhật Huỳnh	26/08/2004		TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,69	84	Giỏi
4	B2202899	Trần Thị Ngọc Trâm	24/03/2004	N	TS2276A2	Bệnh học thủy sản	3,67	88	Giỏi
5	B2202827	Nguyễn Tấn Long	07/09/2004		TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,64	84	Giỏi
6	B2109631	Nguyễn Minh Thùy	23/11/2003	N	TS2176A1	Bệnh học thủy sản	3,59	80	Giỏi
7	B2202852	Lý Ngọc Trâm	05/10/2004	N	TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,58	86	Giỏi
8	B2202828	Dương Mẩn Mẩn	21/02/2004	N	TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,52	86	Giỏi
9	B2202826	Phan Ngọc Linh	05/04/2003	N	TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,5	82	Giỏi
10	B2202844	Nguyễn Tấn Thành	03/04/2004		TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,48	80	Giỏi
11	B2202839	Nguyễn Thành Phát	20/01/2004		TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,46	81	Giỏi
12	B2202813	Trần Ngọc Bích	06/11/2004	N	TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,44	87	Giỏi
13	B2202885	Nguyễn Hoàng Phát	05/05/2004		TS2276A2	Bệnh học thủy sản	3,41	86	Giỏi
14	B2109628	Hồ Thị Hồng Thiệt	04/10/2003	N	TS2176A1	Bệnh học thủy sản	3,41	82	Giỏi
15	B2202820	Nguyễn Văn Hiếu	09/04/2004		TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,39	82	Giỏi
16	B2202823	Nguyễn Thị Kim Hương	05/11/2004	N	TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,37	90	Giỏi
17	B2202858	Huỳnh Thị Vân Anh	19/05/2004	N	TS2276A2	Bệnh học thủy sản	3,33	95	Giỏi
18	B2202864	Lý Nhật Hạo	24/10/2003		TS2276A2	Bệnh học thủy sản	3,32	83	Giỏi
19	B2202815	Trần Thảo Duyên	05/05/2004	N	TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,31	83	Giỏi
20	B2202854	Nguyễn Quốc Tuấn	15/06/2004		TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,28	83	Giỏi

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại khen thưởng
21	B2202890	Nguyễn Quốc Sỹ	24/06/2004		TS2276A2	Bệnh học thủy sản	3,28	81	Giỏi
22	B2202837	Nguyễn Thị Huỳnh Như	20/08/2004	N	TS2276A1	Bệnh học thủy sản	3,25	88	Giỏi
23	B2203028	Lê Huy Thế	31/03/2004		TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,64	90	Xuất sắc
24	B2202983	Phạm Thị Trúc Duyên	07/12/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,79	82	Giỏi
25	B2203086	Phan Thị Mỹ Nguyên	17/03/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,76	89	Giỏi
26	B2203080	Trần Ngô Xuân Mỹ	01/06/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,74	89	Giỏi
27	B2203092	Lê Phối Phối	28/07/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,72	80	Giỏi
28	B2203081	Hà Thảo Ngân	08/02/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,69	85	Giỏi
29	B2203002	Lý Thị Lay	05/11/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,69	84	Giỏi
30	B2203010	Nguyễn Thị Thảo Ngân	24/12/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,68	81	Giỏi
31	B2203066	Nguyễn Nhật Huy	23/07/2004		TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,67	80	Giỏi
32	B2203077	Huỳnh Ngọc Như Mai	11/11/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,64	88	Giỏi
33	B2203033	Trần Thị Kiều Tiên	15/10/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,62	88	Giỏi
34	B2203118	Trần Kim Yến	10/12/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,57	80	Giỏi
35	B2203000	Phạm Minh Khôi	06/02/2004		TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,55	80	Giỏi
36	B2203096	Lê Nguyễn Hồng Quyên	19/06/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,51	89	Giỏi
37	B2203110	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	17/07/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,51	82	Giỏi
38	B2202992	Lâm Chí Hiếu	16/10/2004		TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,5	86	Giỏi
39	B2203003	Nguyễn Hoàng Lĩnh	18/04/2004		TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,5	84	Giỏi
40	B2203062	Nguyễn Thị Lâm Hảo	28/07/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,5	81	Giỏi
41	B2203011	Trần Thị Thanh Ngân	28/02/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,49	91	Giỏi
42	B2202976	Nguyễn Thị Minh Anh	03/03/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,46	91	Giỏi
43	B2202975	Hoàng Việt Anh	12/01/2004		TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,46	86	Giỏi
44	B2203025	Huỳnh Thanh Sang	03/07/2004		TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,44	82	Giỏi
45	B2203021	Cao Mỹ Phụng	09/05/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,43	80	Giỏi

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại khen thưởng
46	B2203074	Phan Mộng Kiều	18/04/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,43	80	Giỏi
47	B2203027	Huỳnh Thanh Thảo	07/01/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,42	84	Giỏi
48	B2203115	Trần Dương Nhật Vy	05/12/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,4	87	Giỏi
49	B2203103	Cao Thị Anh Thư	28/07/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,39	86	Giỏi
50	B2203082	Nguyễn Thị Hồng Ngân	03/05/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,39	80	Giỏi
51	B2203076	Nhan Thị Ngọc Loan	15/09/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,38	82	Giỏi
52	B2203099	Nguyễn Trí Thái	24/02/2004		TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,36	90	Giỏi
53	B2203085	Huỳnh Thị Kim Ngọc	09/11/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,36	81	Giỏi
54	B2202989	Đinh Hoàng Thiên Hà	05/08/2004	N	TS2282A1	Công nghệ chế biến thủy sản	3,36	80	Giỏi
55	B2203088	Trần Kỳ Nhân	16/06/2004		TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,35	80	Giỏi
56	B2203051	Dương Thái Chân	26/02/2004	N	TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,28	85	Giỏi
57	B2203068	Nguyễn Gia Hưng	12/02/2004		TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,26	88	Giỏi
58	B2203050	Nguyễn Quốc Bảo	04/10/2004		TS2282A2	Công nghệ chế biến thủy sản	3,2	81	Giỏi
59	B2200447	Trần Lâm Trúc Ngân	11/03/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,77	92	Xuất sắc
60	B2200506	Nguyễn Thị Phương Oanh	13/04/2004	N	TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,7	90	Xuất sắc
61	B2200470	Trần Thị Bích Tuyền	18/04/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,61	91	Xuất sắc
62	B2200397	Văn Tự Nguyện	21/08/2003		TS2213A2	Nuôi trồng thủy sản	3,78	88	Giỏi
63	B2200478	Trần Gia Bảo	16/07/2004		TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,72	85	Giỏi
64	B2200457	Lê Kim Quyên	31/05/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,71	85	Giỏi
65	B2200381	Lý Thị Huyền	30/12/2003	N	TS2213A2	Nuôi trồng thủy sản	3,7	85	Giỏi
66	B2200442	Nguyễn Phạm Trúc Linh	11/10/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,69	85	Giỏi
67	B2200362	Lê Trương Bảo Trân	16/05/2003	N	TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,69	81	Giỏi
68	B2200441	Nguyễn Thị Hồng Lanh	16/01/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,68	86	Giỏi
69	B2200461	Nguyễn Minh Thành	06/05/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,68	81	Giỏi
70	B2200508	Võ Trọng Phúc	16/12/2004		TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,67	85	Giỏi

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại khen thưởng
71	B2200507	Lý Hữu Phúc	17/08/2004		TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,62	89	Giỏi
72	B2200335	Lê Quốc Kiệt	14/07/2004		TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,62	88	Giỏi
73	B2200328	Lâm Tôn Mỹ Huyền	03/07/2004	N	TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,61	89	Giỏi
74	B2200371	Trần Thị Kim Anh	17/06/2004	N	TS2213A2	Nuôi trồng thủy sản	3,61	89	Giỏi
75	B2200333	Đinh Hoàng Khải	12/10/2004		TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,61	82	Giỏi
76	B2200520	Lê Thị Huế Trân	01/10/2004	N	TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,56	84	Giỏi
77	B2200519	Nguyễn Thị Đài Trang	03/12/2004	N	TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,54	88	Giỏi
78	B2200435	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh	14/12/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,54	83	Giỏi
79	B2200468	Nguyễn Thế Triệt	20/03/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,52	82	Giỏi
80	B2200429	Đặng Châu Đon	30/06/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,5	85	Giỏi
81	B2200350	Đặng Uyên Phương	01/12/2004	N	TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,5	83	Giỏi
82	B2200522	Võ Nhật Trường	06/04/2004		TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,49	85	Giỏi
83	B2200455	Võ Tấn Phúc	09/02/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,48	86	Giỏi
84	B2200498	Võ Thị Ngọc My	08/07/2004	N	TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,48	85	Giỏi
85	B2200430	Nguyễn Thị Ngọc Hân	05/08/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,47	90	Giỏi
86	B2200437	Ngô Nhụy Khang	24/06/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,47	83	Giỏi
87	B2200361	Trần Thị Kiều Trang	08/11/2004	N	TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,42	82	Giỏi
88	B2200373	Tô Công Bằng	15/12/2004		TS2213A2	Nuôi trồng thủy sản	3,41	87	Giỏi
89	B2200492	Nguyễn Thị Yến Khoa	02/04/2004	N	TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,4	88	Giỏi
90	B2200355	Võ Ngọc Đan Thanh	28/02/2004	N	TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,4	80	Giỏi
91	B2200480	Trần Khánh Duy	23/10/2004		TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,39	83	Giỏi
92	B2200469	Cừu Minh Trường	01/02/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,39	82	Giỏi
93	B2200433	Nguyễn Thanh Huy	12/05/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,38	93	Giỏi
94	B2200369	Phan Thị Hồng Yến	04/02/2004	N	TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,38	89	Giỏi
95	B2200336	Lưu Hoài Liêm	07/04/2004		TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,36	88	Giỏi

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại khen thưởng
96	B2200426	Trần Minh Chánh	15/11/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,36	81	Giỏi
97	B2200408	Mai Trần Quốc Thái	18/03/2004		TS2213A2	Nuôi trồng thủy sản	3,35	89	Giỏi
98	B2200396	Trịnh Tấn Ngọc	08/02/2004		TS2213A2	Nuôi trồng thủy sản	3,35	88	Giỏi
99	B2200489	Lê Chí Hướng	11/07/2004		TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,35	83	Giỏi
100	B2200444	Nguyễn Thanh Lợi	02/05/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,34	90	Giỏi
101	B2200431	Trần Phú Hoàng	28/08/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,32	85	Giỏi
102	B2200501	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/01/2004	N	TS2213A4	Nuôi trồng thủy sản	3,32	81	Giỏi
103	B2200473	Châu Triệu Vy	15/08/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,31	93	Giỏi
104	B2200367	Đoàn Thị Vui	18/12/2004	N	TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,3	85	Giỏi
105	B2200424	Phạm Thị Kiều Ánh	03/10/2004	N	TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,29	83	Giỏi
106	B2107643	Nguyễn Quốc Khang	21/12/2003		TS2113A3	Nuôi trồng thủy sản	3,28	84	Giỏi
107	B2200353	Ngô Văn Sử	08/03/2004		TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,26	83	Giỏi
108	B2200465	Bùi Hiền Thương	27/08/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,25	81	Giỏi
109	B2200339	Nguyễn Khải Minh	20/02/2004		TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,25	80	Giỏi
110	B2200382	Nguyễn Diễm Huỳnh	05/09/2004	N	TS2213A2	Nuôi trồng thủy sản	3,24	80	Giỏi
111	B2200332	Nguyễn Bảo Khanh	25/11/2003		TS2213A1	Nuôi trồng thủy sản	3,23	80	Giỏi
112	B2200427	Nguyễn Hoàng Duy	06/10/2004		TS2213A3	Nuôi trồng thủy sản	3,23	80	Giỏi
113	B2109825	Ngô Lê Quốc Toàn	18/12/2003		TS2113T1	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	3,53	88	Giỏi
114	B2107777	Lê Thị Thùy Linh	26/11/2003	N	TS2113T1	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	3,25	82	Giỏi
115	B2107771	Trần Phước Hòa	02/12/2003		TS2113T1	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	3,24	87	Giỏi
116	B2204075	Nguyễn Đăng Khôi	28/06/2004		TS22S2A1	Quản lý thủy sản	3,65	90	Xuất sắc
117	B2204099	Nguyễn Thị Tường Vi	07/10/2004	N	TS22S2A1	Quản lý thủy sản	3,68	88	Giỏi
118	B2204102	Lê Quốc Anh	19/05/2004		TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,68	80	Giỏi

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại khen thưởng
119	B2204143	Trần Tân Vinh	30/04/2004		TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,62	88	Giỏi
120	B2204111	Đặng Thị Cẩm Giang	18/10/2004	N	TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,5	87	Giỏi
121	B2204138	Trần Thị Kiều Trang	28/08/2004	N	TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,46	87	Giỏi
122	B2204128	Sầm Ý Nhi	11/06/2004	N	TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,41	84	Giỏi
123	B2204086	Phan Minh Phát	07/10/2004		TS22S2A1	Quản lý thủy sản	3,38	88	Giỏi
124	B2204100	Nguyễn Phạm Như Ý	11/10/2004	N	TS22S2A1	Quản lý thủy sản	3,37	81	Giỏi
125	B2204079	Nguyễn Hào Nam	02/06/2004		TS22S2A1	Quản lý thủy sản	3,36	88	Giỏi
126	B2204114	Nguyễn Hoàng Phi Hùng	22/04/2004		TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,36	84	Giỏi
127	B2204104	Trần Thị Hồng Cẩm	02/03/2004	N	TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,35	80	Giỏi
128	B2204131	Trần Bích Quân	24/03/2004	N	TS22S2A2	Quản lý thủy sản	3,26	85	Giỏi

Tổng số theo danh sách có **128** sinh viên./.